

PHƯƠNG ÁN
Hộ đề bảo vệ trọng điểm đề cấp III năm 2025
vùng Đông kênh Bảy Xã, tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29/11/2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê Điều;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư 01/2009/TT-BNN ngày 06/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), về việc hướng dẫn tuần tra, canh gác, bảo vệ đê điều trong mùa lũ;

Căn cứ Công điện số 76/CD-TTG ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ, về việc tập trung ứng phó nguy cơ mưa lớn, sạt lở đất, lũ quét và chủ động phòng, chống thiên tai trong thời gian tới;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-BNNMT ngày 08/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, về việc tăng cường công tác đảm bảo an toàn công trình đê điều, thủy lợi trong mùa mưa, lũ năm 2025;

Căn cứ Công văn số 2638/BNNMT-ĐĐ ngày 30/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, về việc triển khai thực hiện phương án bảo vệ trọng điểm đê điều xung yếu năm 2025;

Căn cứ Công văn số 187/ĐĐ-QLĐĐ ngày 28/02/2025 của Cục Quản lý Đê điều và Phòng, Chống thiên tai, về việc tổ chức đánh giá hiện trạng công trình đê điều, xác định trọng điểm đê điều xung yếu và xây dựng phương án hộ đê năm 2025;

Căn cứ Công văn số 129/ĐĐ-QLĐĐ ngày 03/4/2025 của Cục Quản lý Đê điều và Phòng, Chống thiên tai, về việc thông báo lịch báo cáo đánh giá hiện trạng công trình đê điều và phương án hộ đê năm 2025;

Trên cơ sở kiểm tra đánh giá hiện trạng hệ thống công trình đê điều trước lũ năm 2025 tỉnh An Giang.

Qua kiểm tra, đánh giá và quá trình theo dõi, quản lý cũng như thực tế xử lý sự cố đê điều trong các mùa lũ trên các tuyến đê cấp III vùng Đông kênh Bảy Xã, tỉnh An Giang. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang xác định trọng điểm xung yếu và xây dựng phương án hộ đê bảo vệ trọng điểm đê cấp III năm 2025, cụ thể như sau:

I. HIỆN TRẠNG ĐÊ CẤP III VÙNG ĐÔNG KÊNH BẢY XÃ:

Đê cấp III vùng Đông kênh Bảy Xã gồm 03 tuyến đê (thuộc địa bàn thị xã Tân Châu), tổng chiều dài 22,7km, cùng với hệ thống cống kiểm soát lũ, tưới tiêu (03 cống B = 3m, 03 cống B = 2Ø100) và kè thảm đá bảo vệ mái đê đã hoàn thiện với tổng chiều dài 13,05 km, cụ thể như sau:

1. Tuyến số 1, đê Đông kênh Bảy Xã: Chiều dài 13km (thuộc địa phận các xã Phú Lộc, Tân Thạnh và Tân An).

a. Đoạn 1: từ kênh Nhánh Đông - kênh Cùn (K0+00 – K3+00)

- Chiều dài 3,0 km, chiều rộng mặt đê 10m (mặt đường nhựa rộng 3,5m, lề ngoài 2.5m, lề trong 4m), hệ số mái ngoài $m=1.5 \div 2.0$, bên trong là tuyến dân cư được san lấp cao trình khoảng +6.0, khoảng cách từ lề trong đến nhà dân 2m. Cao trình trung bình toàn tuyến đê +6.7m.

- Về kè: Hiện nay trên tuyến đã được đầu tư kè bê tông đúc sẵn bảo vệ mái đê, chiều dài 03 km kè đảm bảo an toàn, hệ số mái $m=2.0$.

b. Đoạn 2: từ kênh Cùn - kênh Tân An (K3+000 – K7+800)

- Chiều dài 4,8 km, chiều rộng mặt đê 10m (mặt đường nhựa rộng 3,5m dài 2,8km; mặt đường dale rộng 4m dài 2km, lề ngoài 2.5m, lề trong 4m), mái đê ngoài kè thảm đá đảm bảo an toàn, hệ số mái $m=1.5 \div 2.0$, bên trong là tuyến dân cư được san lấp cao trình khoảng +6.0, khoảng cách từ lề trong đến nhà dân 2m. Cao trình trung bình toàn tuyến đê +6.5m ÷ +6.7m.

- Cống dưới đê: Trên đoạn đê này có 03 cống (01 cống ngầm 2Ø100 và 02 cống hở khẩu độ B= 3m), trong đó:

+ Cống Kênh Cùn: Được xây dựng từ năm 1996-1997, cống hở B=2m, cao trình đáy -1,0m, cao trình đỉnh +6,0m, kết cấu bê tông cốt thép, đá xây. Hiện tại khi lũ lên cao khoảng +3,0, tường thân cống và cửa cống bị rò rỉ, có khả năng xảy ra sự cố vỡ cống. (Cống ngăn lũ kết hợp tiêu thoát nước).

+ Cống Út Hanh: Công trình được xây dựng từ năm 2001, khẩu độ 2Ø100, cao trình đáy -1,0m, cao trình đỉnh +6,0m, kết cấu bê tông cốt thép, đá xây. Hiện tại cửa cống bị mục, không bảo đảm an toàn chống lũ, Sở Nông nghiệp và Môi trường đang thực hiện dự án đầu tư thay mới cửa cống trong năm 2025, tiến độ thực hiện đang lập hồ sơ mời thầu thi công.

+ Cống Cà Tum: Được xây dựng từ năm 2002, khẩu độ 3m, cao trình đáy -1,0m, cao trình đỉnh +6,0m, kết cấu bê tông cốt thép, đá xây. Hiện tại đảm bảo an toàn chống lũ.

- Về kè: Hiện nay trên tuyến đã được kè thảm đá bảo vệ mái đê, chiều dài

4,8 km, để đảm bảo an toàn, hệ số mái $m=1.5\div2.0$.

- Đê bờ Bắc kênh Tân An (đê nhánh): chiều dài 4km, chiều rộng mặt đê 10m (mặt đường nhựa rộng 3, lề ngoài từ cơ đê đến mặt đường 3m, lề trong 4m), hệ số mái ngoài $m=1\div1.5$, bên trong là tuyến dân cư được san lấp cao trình khoảng +5.5, khoảng cách từ lề trong đến nhà dân 2m. Mái đê ngoài có một số đoạn sạt lở cần gia cố. Cao trình trung bình toàn tuyến đê +6.0m.

Cần đầu tư xây dựng 01 cống hở khẩu độ $B=8$ m tại đầu kênh Tân An, dưới đê Tây sông Tiền (Tỉnh lộ 952).

c. Đoạn 3: từ kênh Tân An - kênh Xáng (K7+800-K13+000)

- Chiều dài 5,2km, chiều rộng mặt đê 10m (mặt đường nhựa rộng 3,5m, lề ngoài 2,5m, lề trong 4m), mái đê ngoài kè thảm đá đảm bảo an toàn, hệ số mái $m=1.5\div2.0$, bên trong là tuyến dân cư được san lấp cao trình khoảng +6.0, khoảng cách từ lề trong đến nhà dân 2m. Cao trình trung bình toàn tuyến đê +6.3m ÷ +6.5m.

- Cống dưới đê: Trên đoạn đê này có 02 cống (01 cống ngầm $2\text{Ø}100$ và 01 cống hở khẩu độ $B=3$ m), trong đó.

+ Cống 13-15 được xây dựng từ năm 2002, khẩu độ 3m, cao trình đáy -1,0m, cao trình đỉnh +6,0m, kết cấu bê tông cốt thép, đá xây. Hiện tại đảm bảo an toàn chống lũ.

+ Cống Tập Đoàn 14: Công trình được xây dựng từ năm 2002, khẩu độ $2\text{Ø}100$, cao trình đáy -1,0m, cao trình đỉnh +6,0m, kết cấu bê tông cốt thép, đá xây. Hiện tại cửa cống bị mục, không bảo đảm an toàn chống lũ, Sở Nông nghiệp và Môi trường đang thực hiện dự án đầu tư thay mới cửa cống trong năm 2025, tiến độ thực hiện đang lập hồ sơ mời thầu thi công.

- Về kè: Hiện nay trên tuyến đã được kè thảm đá bảo vệ mái nhằm đảm bảo an toàn đê, chiều dài 5,2 km, hệ số mái $m=1.5\div2.0$.

- Đê bờ Nam kênh Tân An (đê nhánh): chiều dài 4km, chiều rộng mặt đê 10m (mặt đường dale rộng 3.0m, lề ngoài 3m, lề trong 4m), hệ số mái ngoài $m=1\div1.5$, bên trong là tuyến dân cư được san lấp cao trình khoảng +5.5, khoảng cách từ lề trong đến nhà dân 2m. Cao trình trung bình toàn tuyến đê +6.0m.

Cần đầu tư xây dựng 01 cống hở khẩu độ $B=8$ m tại đầu kênh Tân An (hiện tại đầu kênh Tân An giáp kênh Bảy Xã có cầu Bê tông Tân Thạnh).

2. Tuyến số 2, đê kênh Nhánh Đông:

- Chiều dài 3,5km (thuộc địa phận các xã Vĩnh Xương và xã Phú Lộc), chiều rộng mặt đê 13m (mặt đường nhựa rộng 3,5m, lề ngoài 2.5m, lề trong 7m), hệ số mái ngoài $m=1\div1.5$, bên trong là tuyến dân cư được san lấp cao trình khoảng +6.0, khoảng cách từ lề trong đến nhà dân 2m. Cao trình trung bình toàn tuyến đê +7.0m.

- Về cống: Trên đoạn đê này có 01 cống ngầm $2\text{Ø}100$, Công trình cống Láng Cá Tra được xây dựng từ năm 2002, cao trình đáy -1,0m, cao trình đỉnh +6,0m, kết cấu bê tông cốt thép, đá xây. Hiện tại cửa cống bị mục, không bảo đảm an toàn

chống lũ, Sở Nông nghiệp và Môi trường đang thực hiện dự án đầu tư thay mới cửa cống trong năm 2025, tiến độ thực hiện đang lập hồ sơ mời thầu thi công.

- Về kè: Hiện nay trên tuyến đã được đầu tư kè bê tông đúc sẵn bảo vệ mái đê, chiều dài 01 km đê đảm bảo an toàn, hệ số mái $m=2.0$.

3. Tuyến số 3, đê Bắc kênh Xáng:

- Chiều dài 6,2km (xã Tân An), chiều rộng mặt đê 6m, mặt đường nhựa rộng 3m. Trong đó:

+ **Đoạn từ kênh Bảy Xã đến đầu khu dân cư (K0+00-K3+00):** dài 3km, chiều rộng mặt đê 9m (mặt đường nhựa rộng 3m, lề ngoài 2m, lề trong 4m), mái ngoài từ $0,4m \div 1,5m$. Cơ đê ngoài có khoảng cách từ $1,5m \div 3,0m$ đến nhà dân, bên trong là tuyến dân cư đã được san lấp có cao trình +5.5, khoảng cách từ chân mái trong đến nhà dân 2m. Cao trình trung bình toàn tuyến đê +6.0m. Mái đê ngoài sông có một số đoạn sạt lở cần gia cố.

+ **Đoạn từ đầu khu dân cư đến cuối tuyến (K3+00-K6+200):** dài 3,2km, chiều rộng mặt đê 6m (gồm mặt đường nhựa rộng 3m, lề trong 1.5m, lề ngoài 1.5m), mái trong đồng và mái ngoài sông từ $0,4m \div 1,5m$. Cơ đê trong và ngoài có khoảng cách từ $1,5m \div 5,0m$ đến nhà dân (dân cư tự phát đa số nhà cất trên cọc). Mái đê ngoài có một số đoạn sạt lở cần gia cố. Cao trình trung bình toàn tuyến đê +6.0m.

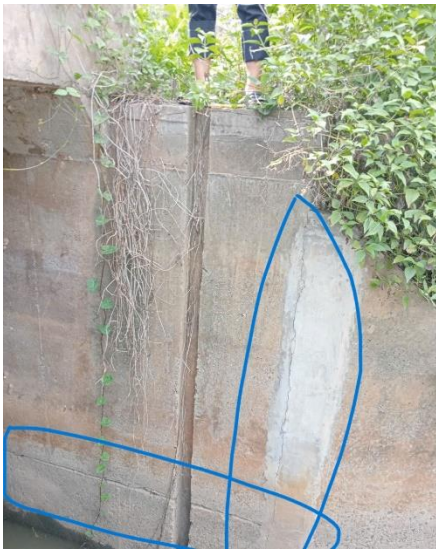
- Về kè: Hiện nay trên tuyến được đầu tư kè bê tông đúc sẵn bảo vệ mái đê tại vị trí K3+300, chiều dài 0,05 km đê đảm bảo an toàn, hệ số mái $m=2.0$.

II. XÁC ĐỊNH TRỌNG ĐIỂM XUNG YẾU:

Qua rà soát hiện trạng đê cấp III vùng Đông kênh Bảy xã hiện nay xác định 03 trọng điểm xung yếu cần xây dựng phương án bảo vệ hộ đê để phòng chống lũ năm 2025 như sau:

1. Tuyến số 1, đê Đông kênh Bảy Xã:

- **Cống kênh Cùn tại K3+000:** Công Kênh Cùn, ngăn lũ kết hợp tiêu thoát nước, được xây dựng từ năm 1996-1997. Là cống hở $B=2m$, cao trình đáy -1,0m, cao trình đỉnh +6,0m, kết cấu bê tông cốt thép, đá xây. Hiện tại khi lũ lên cao khoảng +3,0, tường thân cống và cửa cống bị rò rỉ, có khả năng xảy ra sự cố.





Hình ảnh cống Kênh Cùn thuộc bờ Đông kênh Bảy Xã xã Phú Lộc

- Đoạn từ K5+300 ÷ K13+000.

Tuyến đê Đông kênh Bảy Xã: Tại vị trí K5+300-K13+000: Cơ đê phía sông đã bị ảnh hưởng lũ xói gây sạt toàn tuyến và đang tiếp tục có diễn biến xói lở ăn sâu vào chân đê, mái đê. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố có thể xảy ra.





*Hình ảnh tuyến đê Đông kênh Bảy Xã tại vị trí $K7+960 \div K9+000$
thuộc xã Tân Thạnh*

Trong đó, đoạn từ $K7+960$ - $K9+000$ Sở Nông nghiệp và Môi trường đang thực hiện dự án đầu tư lắp đặt kè rọ đá trong năm 2025, tiến độ thực hiện đang lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và dự toán.





*Hình ảnh mặt đê thuộc bờ Đông kênh Bảy Xã
(đoạn K5+300 ÷ K13+000)*

2. Tuyến số 2, đê kênh Nhánh Đông:

- **Tại vị trí K0+040-K0+100:** Đoạn đê cong, 1/2 mặt đê phía sông thấp và bị nghiêng về phía sông.





Đoạn đê cong, 1/2 mặt đê phía sông thấp và bị nghiêng về phía sông

- **Tại vị trí K1+00+K2+150:** Mặt đê bằng đất, thấp so với hiện trạng mặt đê bằng betong. Mái đê bằng đất đắp dễ gây xói lở trong mùa mưa lũ.



Hình ảnh Tại vị trí K1+00+K2+150

3. Tuyến số 3, Đê Bắc kênh Xáng: Đoạn từ **KM3+000 ÷ KM4+600**.

Tình hình sạt lở: Mùa lũ năm 2018 - 2022 xảy ra một số điểm sạt lở nguy hiểm, có vị trí khoét sâu vào mái và thân đê, gây mất an toàn đê điều. Tại K3+00 tiếp tục sạt lở ngày 19/9/2024, địa phương đã triển khai xử lý sự cố tạm thời. Hiện nay đoạn từ KM3+000 ÷ KM4+600 sạt lở mái đê phía thượng lưu rất nghiêm trọng. Tuy nhiên, vẫn còn khả năng tiếp tục sạt lở trong mùa lũ sắp tới, cần phải gia cố khắc phục để giữ lại mái đê và phương án bảo vệ đê cấp III. Đoạn này đã được xây dựng tuyến đường kết hợp đê phụ bên trong.



Hình ảnh sạt lở đê bờ Bắc kênh Xáng thuộc xã Tân An năm 2018 – 2022





Hình ảnh đoạn từ KM3+000 ÷ KM4+600 sạt lở ngày 19/9/2024, đã được gia cố tạm



Hình ảnh đoạn từ KM3+000 ÷ KM4+600 sạt lở ngày 19/9/2024, đã gia cố tạm thời

III. GIẢI PHÁP XỬ LÝ GIA CỐ NĂM 2025:

1. Trong năm 2025, từ nguồn vốn phân bổ Kế hoạch duy tu bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều năm 2025, thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai năm 2025 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang tổ chức thực hiện Kế hoạch duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2025, tỉnh An Giang theo đề nghị của Chi cục Thủy lợi tại Tờ trình số 14/TTr-CCTL ngày 19/02/2025 với các hạng mục xử lý như sau:

- **Hạng mục 1.** Tu sửa, gia cố chân đê Đông kênh Bảy Xã (Đoạn Km7+960 ÷ Km9+000); Chiều dài L=1,04 km.

- **Hạng mục 2.** Phát hoang cây dại, chỉnh trang mái đê Đông kênh Bảy Xã (Đoạn Km9+000 ÷ Km12+950); Chiều dài L=3,95 km.

- **Hạng mục 3.** Duy tu, bảo dưỡng các biển cấm, biển cảnh báo, giới hạn hành lang công trình. Lắp đặt lại cột mốc Km của các tuyến đê Đông Bảy Xã

(Đoạn Km0 ÷ Km13), tuyến đê Bắc kênh Xáng (Đoạn Km0 ÷ Km6+200) và tuyến đê kênh Nhánh Đông (Đoạn Km0 ÷ Km3+500); Chiều dài L=22,7 km.

Đến thời điểm hiện nay, Chi cục Thủy lợi An Giang triển khai giai đoạn tư vấn khảo sát lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, hoàn thiện báo cáo kinh tế kỹ thuật để trình Cục Đê điều và Phòng, Chống thiên tai phê duyệt.

2. Ngoài ra, theo Quyết định số 3251/QĐ-BNN-PCTT ngày 25/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), về việc phê duyệt Dự án thành phần số 11: Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 thuộc dự án Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều giai đoạn 2021-2025. Đã triển khai hoàn thành trong năm 2024 (đoạn từ K1+800-K5+300, đê Đông kênh Bảy Xã), với quy mô và phương án như sau:

2.1. Quy mô: Tu bổ nâng cấp đê Đông kênh Bảy Xã đoạn từ K1+800-K5+300 với chiều dài 3,5 km.

2.2. Phương án Xây dựng:

- Đắp mở rộng mặt đê đảm bảo B=7m; gia cố mặt phần mở rộng đê bằng bê tông nhựa hạt trung dày 7cm nối tiếp với phần mặt đê đã gia cố, móng gồm lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm, loại 2 dày 20cm, phía dưới là lớp đất đắp dày 30cm, $K \geq 0,98$. Lắp đặt các biển báo.

- Gia cố mái đê phía sông với giải pháp như sau:

+ Đoạn từ K1+800 đến K2+980: Mái đê phía sông gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn, kích thước 40x40x16cm đặt trong hệ khung dầm bê tông cốt thép M250 đổ tại chỗ, phía dưới là lớp đá dăm dày 10cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật; dọc đáy dầm cơ chân mái đê gia cố hàng cọc bê tông cốt thép M300; mặt cơ chân mái đê gia cố bằng rọ đá kích thước 2x1x0,5m, phía ngoài rọ đá thả đá hộc tạo mái hộ chân, mặt ngoài mái đá hộc gia cố lớp thảm đá dày 0,3m.

+ Đoạn từ K2+980 đến K3+200: Mái đê phía sông gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn, kích thước 40x40x16cm đặt trong hệ khung dầm bê tông cốt thép M250 đổ tại chỗ, phía dưới là lớp đá dăm dày 10cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật; dọc đáy dầm cơ chân mái đê gia cố hàng cọc bê tông cốt thép M300, mặt cơ chân mái đê gia cố bằng rọ đá kích thước 2x1x0,5m.

+ Đoạn từ K3+200-K5+300: Hoàn thiện mái đê nối tiếp với mái kè đá hiện trạng bằng đá xếp khan.

IV. GIẢ ĐỊNH TÌNH HUỐNG CÓ THỂ XẢY RA:

1. Tình huống thứ nhất: Sạt lở mái đê phía sông.

2. Tình huống thứ hai: Cánh cổng bị vênh, không kín nước hoặc nước bị rò rỉ nhiều.

V. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ KHI CÓ TÌNH HUỐNG:

1. Nguyên tắc thực hiện:

- Bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân trong mùa lũ, những người dễ bị tổn thương, người khuyết tật, đặc biệt là người già và trẻ em.
- Bảo vệ an toàn sản xuất vụ Thu Đông trong nội vùng.
- Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “4 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ).
- Nâng cao năng lực điều hành, chỉ huy xử lý tại chỗ khi có tình huống, sự cố, thiên tai xảy ra. Nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai.
- Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và hộ gia đình trong việc chủ động thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra theo qui định của pháp luật.
- Chủ động, phát hiện kịp thời sự cố, chuẩn bị kỹ các điều kiện đảm bảo xử lý sự cố ngay từ giờ đầu để các tuyến đề bảo đảm an toàn phục vụ sản xuất. Chủ động phương án và tích cực cứu hộ đề với tình huống xấu nhất, không để vỡ đê.

2. Biện pháp xử lý khi có tình huống:

2.1. Tình huống thứ nhất: Sạt lở mái đê phía sông.

- Dùng các tấm ni lông, bạt chắn sóng phủ kín mái đê, phần mặt đê bị sạt để hạn chế nước thấm vào thân đê gây sạt lở tiếp; thả bao tải đất hoặc đá xuống chân khu vực sạt lở để giữ chân; gia cố cừ tạm để xử lý giờ đầu hạn chế sạt lở, không để phát sinh sạt lở thêm. Nếu sạt lở phải đập bạt nhẹ mái đê để hạn chế sạt lở tiếp, nếu sạt lớn phải khẩn trương đắp áp mở rộng mặt đê, cơ đê phía đồng.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường giao Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật tài nguyên môi trường khảo sát khu vực sạt lở để đánh giá sạt lở và có cơ sở bố trí phương án xử lý phù hợp

2.2. Tình huống thứ hai: Cánh cống bị vênh, không kín nước hoặc nước bị rò rỉ nhiều.

a) Nguyên nhân: Do mở cống để lấy nước tưới cho vụ mùa, mùa mưa lũ có nhiều vật cản như: cây, rác,... trôi theo dòng nước sau đó kẹt lại tại đáy cửa van khi cống mở hoặc cánh cống không đóng được kín.

b) Hiện tượng: Cửa van đóng không tới đáy, độ hở lớn hay nhỏ phụ thuộc vào kích thước vật cản. Lúc này nước rò rỉ mạnh về phía hạ lưu cống.

c) Phương án xử lý:

- Trong quá trình vận hành: Đơn vị quản lý, vận hành phải thường xuyên tiến hành kiểm tra hệ thống đóng, mở để cánh cống làm việc bình thường. Nếu không làm việc bình thường thì xác định có vật cản dưới đáy và tiến hành tháo dỡ các vật rắn ở đáy cống. Phải đảm bảo cống luôn hoạt động bình thường.

- Khi cửa cống đóng không hết do vật cản: tiến hành đóng mở cửa cống thượng lưu nhiều lần cho dòng nước chảy xiết trôi vật cản ở đáy. Nếu vật rắn vẫn chưa trôi, đóng chặt cửa phai thượng lưu lớp phai phía ngoài. Lúc này mực nước tĩnh trong cống bằng mực nước hạ lưu, dùng người lặn xuống kiểm tra vật cản đáy cống, dọn sạch đáy và khe phai sát đáy.

- Khi cánh cống đóng không kín: Đóng ván phai phía đồng, nâng mực nước sau cửa cống để giảm chênh lệch mực nước trước và sau cửa cống. Khi đóng ván phai chú ý không nên đóng kín để tránh cống bị tức hơi.

+ Thả bao tải đất từ hai bên hèm cống vào giữa sát cửa cống phía thượng lưu để bịt dòng chảy (bao tải đất chỉ chứa $2/3 \div 3/4$ miệng bao, miệng bao được buộc bằng dây mềm chắc. Đất cho vào bao tải là đất thịt nặng hoặc đất sét pha, cho đất vào từng lớp).

+ Đối với cống tròn, dùng cao su, ni lông phủ kín thượng lưu cống, sau đó dùng bao tải cát, đất tấn lại.

3. Nhân lực xử lý:

Thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội Đồng nhân dân tỉnh An Giang, nhân lực tại chỗ gồm:

- Lực lượng xung kích 02 xã sau khi sáp nhập chính quyền 02 cấp (xã Tân An và xã Vĩnh Xương): 200 người, có trang bị dụng cụ.

- Điều động lực lượng dân quân tự vệ: 50-100 người ở các xã, phường khác khi cần huy động ngay, chỉ viện cho trọng điểm, có trang bị dụng cụ.

4. Vật tư, thiết bị, phương tiện:

4.1. Vật tư, thiết bị:

- Bao tải: Cơ sở cung cấp gần nhất: Trên tuyến có 04 cửa hàng Út Nhiễn, Tám Quân, Tuyết Minh thuộc địa bàn xã Tân An. Cơ sở đầu mối cung cấp là Cửa hàng Ngân Phát, địa chỉ: phường Tân Châu.

- Tầm cao su, ni lông: Cơ sở cung cấp gần nhất, có 03 cơ sở là Cửa hàng Đức Thái, Cửa hàng Võ Quang Đăng địa chỉ: xã Vĩnh Xương; Cửa hàng Tuyết Minh, địa chỉ: xã Tân An.

- Vị trí bãi đất gần nhất để lấy khi cần thiết: Có 04 vị trí là cặp đường cộ nhà Mười Định, ấp Tân Hậu A2, khối lượng: 5.000 m³; ấp Phú Yên và Ấp Phú Quý, khối lượng 10.000 m³; Ấp 5 xã Vĩnh Xương, khối lượng 1.000m³.

- Xẻng, cuốc: Chuẩn bị sẵn sàng huy động ngay, hoặc Cơ sở cung cấp gần nhất: Trên tuyến có 04 cửa hàng cụ thể là cửa hàng Tuyết Minh, địa chỉ: xã Tân An; cửa hàng Đức Thái, cửa hàng Xuân Hiếu, địa chỉ: xã Vĩnh Xương; cửa hàng Tám Quân, địa chỉ ấp Giồng Trà Dền.

- Cừ tràm, cừ bạch đàn:

+ Hiện có tại các khu vực gần nhất có khả năng khai thác để phục vụ hộ đê: 3.000 cây. Trong đó cừ bạch đàn là 2.000 cây, cừ tràm 1.000 cây.

+ Cơ sở cung cấp gần nhất: Cửa hàng bán VLXD Phước Hải 2; Nguyễn Giáp; Như Huỳnh; Quốc Thái... thuộc địa bàn xã Tân An.

4.2. Phương tiện:

- Xe Kobe: Huy động 04 chiếc của Công ty TNHH Xây dựng MeKong thuộc địa bàn xã Vĩnh Xương.

- Xe tải chở đất, vật tư: Huy động 04 chiếc của Công ty TNHH Xây dựng MeKong thuộc địa bàn xã Vĩnh Xương.

4.3. Huy động vật tư, thiết bị, phương tiện đang thi công xử lý sạt lở tại công trường:

Sử dụng nguồn vốn thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế thủy lợi, đề điều, phòng chống thiên tai năm 2025 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quản lý tại Quyết định số 21/QĐ-ĐD-QLĐD ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Cục Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai.

5. Địa điểm chỉ huy: Lập chốt chỉ huy tại hiện trường.

6. Hậu cần: UBND xã nơi xảy ra tình huống chịu trách nhiệm hậu cần và được thanh toán theo đúng các thủ tục hiện hành từ nguồn vốn phân bổ tại Quyết định số 21/QĐ-ĐD-QLĐD.

7. Lực lượng tuần tra, canh gác:

- UBND các xã bố trí lực lượng dân quân, xã đội, lực lượng xung kích thực hiện tuần tra, canh gác đoạn đề thuộc địa bàn quản lý. Cán bộ Trạm Thủy lợi liên huyện An Phú – Tân Châu phối hợp hỗ trợ. Cán bộ Chi cục Thủy lợi cùng phối hợp túc trực và báo cáo nhanh các tình huống khẩn cấp.

- Lực lượng tuần tra, canh gác thực hiện nghiêm các nhiệm vụ tuần tra, canh gác bảo vệ đề điều theo quy định tại Thông tư số 01/2009/TT-BNN ngày 06/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), về việc hướng dẫn tuần tra, canh gác, bảo vệ đề điều trong mùa lũ để phát hiện và xử lý kịp thời ngay từ giờ đầu những hư hỏng của đề, kè, cống; bảo đảm thông tin liên lạc và báo cáo kịp thời khi có sự cố xảy ra.

8. Chế độ thông tin liên lạc:

- Ban Chỉ huy cấp xã và lực lượng tuần tra, canh gác phải thực hiện tốt công tác thông tin liên lạc bằng mọi hình thức nhanh chóng, kịp thời chính xác trước những diễn biến thời tiết cũng như khi xảy ra sự cố.

- Khi phát hiện hiện sự cố Ban Chỉ huy cấp xã thông tin ngay cho Ban Chỉ huy cấp tỉnh.

- Ban Chỉ huy cấp tỉnh thông tin ngay cho Ban Chỉ huy cấp Trung ương.

- Phương thức thông tin: Điện thoại, zalo nhóm, mail, Fax,...

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN XỬ LÝ, PHÂN CẤP CHỈ HUY XỬ LÝ CÁC TÌNH HUỐNG:

1. Tổ chức chỉ đạo, chỉ huy:

- Khi tình huống xảy ra, tránh huy động ồ ạt lãng phí nhân lực, vật tư, gây tình trạng hoang mang không cần thiết.

- Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác PCTT trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch, phương án hiệp đồng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, bổ sung những vật tư thiết bị còn thiếu theo kế hoạch và phương án đã được duyệt.

- Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS cấp xã nơi xảy ra tình huống, chỉ huy triển khai công tác Phòng chống thiên tai ở địa phương mình, chuẩn bị đủ các điều kiện để bảo vệ an toàn các vị trí xung yếu Đê cấp III theo các phương án được duyệt; Sau khi thành lập chính quyền 02 cấp, Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS cấp xã nơi có đê cấp III triển khai hiệp đồng với các cơ sở kinh doanh và công ty đóng trên địa bàn về vật tư phương tiện hộ đê. Chỉ huy xử lý khi có các sự cố hư hỏng xảy ra theo Kế hoạch hiệp đồng của Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS cấp xã; huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, của các xã, phường trên địa bàn thị xã để phục vụ công tác hộ đê.

- Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS 02 xã trên tuyến Đê cấp III, chỉ huy việc chuẩn bị - tổ chức - huy động nhân lực, vật tư, phương tiện để bảo vệ các đoạn đê trên địa bàn và ứng cứu các địa phương khác khi có lệnh huy động của Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS cấp tỉnh. Khi có tình huống xảy ra, Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS các xã có đê, chịu trách nhiệm chỉ huy lực lượng hộ đê xử lý ngay giờ đầu khi sự cố xảy ra.

- Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh là thành viên Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Ban Chỉ huy, chuẩn bị đủ vật tư, phương tiện, lực lượng của ngành phục vụ công tác hộ đê khi có tình huống xảy ra.

2. Phân cấp chỉ huy xử lý:

Tùy theo tình huống, mức độ nguy hiểm của sự cố, việc tổ chức thực hiện xử lý sự cố phải theo phương châm 4 tại chỗ.

- Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS cấp xã: huy động, bố trí lực lượng tuần tra canh gác, chịu trách nhiệm tuần tra phát hiện, theo dõi và cùng lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã xử lý ngay sau khi phát hiện hư hỏng. Sử dụng vật tư, phương tiện hiện có và huy động trong nhân dân trực tiếp chỉ đạo xử lý giờ đầu; đồng thời báo cáo lên Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS cấp tỉnh.

- Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS cấp tỉnh kiểm tra, huy động lực lượng xung kích của các phường, xã lân cận, sử dụng vật tư, phương tiện các phường, xã hiện có, để ứng cứu xử lý tiếp sau khi xử lý giờ đầu theo các phương án đã được duyệt; Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS cấp xã tiếp tục chỉ đạo xử lý. Nếu diễn biến hư hỏng sau khi xử lý giờ đầu vẫn tiếp tục phát triển thì thực

hiện theo Kế hoạch hiệp đồng Phòng chống thiên tai & Phòng thủ dân sự của xã để tăng cường cho việc xử lý. Chỉ huy xử lý do Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS cấp xã đảm nhận.

- Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS cấp xã báo cáo thường xuyên, kịp thời diễn biến và kết quả xử lý các sự cố đê điều. Khi vượt khả năng của xã phải báo cáo Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS tỉnh hỗ trợ, chi viện.

- Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS cấp tỉnh sau khi nhận thông tin báo cáo của Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS cấp xã phải khẩn trương tiến hành kiểm tra, chỉ đạo việc theo dõi sát các diễn biến hư hỏng và kỹ thuật trong quá trình xử lý; triển khai huy động lực lượng, vật tư, phương tiện dự phòng của tỉnh. Khi cần thiết Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS tỉnh sẽ chỉ đạo sử dụng các lực lượng theo Kế hoạch Hiệp đồng PCTT&PTDS, trực tiếp chỉ đạo việc xử lý và đồng thời báo cáo trực tiếp về Cục Quản lý Đê điều và phòng chống thiên tai.

3. Chế độ báo cáo:

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy cấp tỉnh, Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS cấp cấp xã, các ngành thực hiện chế độ thường trực 24/24h tại trụ sở Ban Chỉ huy, khi có tình huống xảy ra để tổng hợp thông tin, báo cáo kịp thời cho UBND cấp xã, UBND cấp tỉnh và Cục Quản lý Đê điều và phòng chống thiên tai, có biện pháp đối phó trong trường hợp cần thiết.

- Khi có những diễn biến bất thường về thời tiết (bão, mưa lớn) và lũ báo động 2 trở lên, thực hiện chế độ báo cáo nhanh bằng văn bản hàng ngày và báo cáo ngay khi phát hiện sự cố hư hỏng đê điều xảy ra.

- Phương thức báo cáo: bằng Fax, điện thoại, email, zalo...

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS cấp xã báo cáo định kỳ về Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy UPBĐKH - PCTT& PTDS tỉnh để tham mưu Ban Chỉ huy, UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ giúp địa phương khi có thiên tai xảy ra. Sau mỗi đợt lũ, bão có báo cáo sơ kết, rút kinh nghiệm và bổ sung vật tư dự phòng cho các tình huống lũ, bão tiếp theo.

Trên đây là Phương án hộ đê bảo vệ trọng điểm đê cấp III năm 2025 vùng Đông kênh Bảy Xã, tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- Cục QL Đê điều và PCTT;
- Văn phòng đại diện PCTT miền Nam;
- Thành viên BCH UPBĐKH-PCTT&PTDS tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh; P: KTN;
- Chi cục Thủy lợi;
- Lưu: VT, CCTL, NQL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Duy